TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 26/2026/QĐST- HNGĐ	*TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 01 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83, 84, 85, 86, 116 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 973/2025/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2025 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông **Lê Tấn P**, sinh năm 1973. Căn cước công dân số: 087073000104, ngày cấp 12/01/2022. Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ: D ấp A, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà **Nguyễn Thị Thanh L,** sinh năm 1980.

Căn cước công dân số: 096180003710, ngày cấp 12/9/2022. Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ: D ấp A, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Lê Tấn P và bà Nguyễn Thị Thanh L có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã B, Thành phố Hồ Chí Minh) theo Giấy chứng nhận kết hôn quyển số 01/04 vào ngày 18/11/2004. Do đó hôn nhân của ông Lê Tấn P và bà Nguyễn Thị Thanh L là hợp pháp.

[2] Theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con và Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, ông Lê Tấn P và bà Nguyễn Thị Thanh L yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con.

[3] Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Việc ông Lê Tấn P và bà Nguyễn Thị Thanh L thỏa thuận về việc thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con được thể hiện tại Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 30 tháng 12 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Tấn P và bà Nguyễn Thị Thanh L thuận tình ly hôn với nhau.

Giấy chứng nhận kết hôn quyển số 01/04 do Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã B, Thành phố Hồ Chí Minh) cấp cho ông Lê Tấn P và bà Nguyễn Thị Thanh L vào ngày 18/11/2004 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày Tòa án ban hành quyết định có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Ông Lê Tấn P và bà Nguyễn Thị Thanh L có 02 (hai) con chung tên Lê Thụy Tường L1 (giới tính nữ) sinh ngày 12/7/2005, đã trưởng thành phát triển bình thường không yêu cầu Tòa án giải quyết và bé Lê Trần Hoàng L2 (giới tính nam), sinh ngày 14/10/2012. Ông Lê Tấn P và bà Nguyễn Thị Thanh L cùng thỏa thuận thống nhất giao con chung tên Lê Trần Hoàng L2 cho bà Nguyễn Thị Thanh L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục.

Bà Nguyễn Thị Thanh L yêu cầu ông Lê Tấn P thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con chung. Nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung đối với ông Lê Tấn P.

Ông Lê Tấn P có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở, vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con sau này theo quy định tại Điều 83, Điều 84 và Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về tài sản chung: Ông Lê Tấn P và bà Nguyễn Thị Thanh L đều xác nhận tự thỏa thuận nên Tòa không đặt ra để giải quyết.

- Về nợ chung: Ông Lê Tấn P và bà Nguyễn Thị Thanh L đều xác nhận không có nên Tòa không đặt ra để giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án 300.000 (ba trăm nghìn) đồng. Ông Lê Tấn P và bà Nguyễn Thị Thanh L mỗi người chịu 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng mà ông Lê Tấn P và bà Nguyễn Thị Thanh L đã nộp theo biên lai thu tiền số 0042918 ngày 27/11/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố H. Ông Lê Tấn P và bà Nguyễn Thị Thanh L đã nộp đầy đủ lệ phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận*:**
- Đương sự (4);
- VKSND khu vực 10 (2);
- TAND TP.HCM (1)
- THADS TP. Hồ Chí Minh (1);
- UBND xã Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã Bình Lợi, Thành phố Hồ Chí Minh) (1);
- Lưu: VP, hồ sơ (2).

THẨM PHÁN

Phạm Thị Kim Định

2 000023 049206